

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/DS-ST
Ngày: 16 - 01 - 2023
V/v tranh chấp dân sự về
quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Thanh Hoàng;

- Ông Phạm Thanh Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Hùng, Thư ký Toà án nhân dân huyện
Tĩnh Biên, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Biên, tỉnh An Giang tham
gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Kim Chi, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Tĩnh Biên xét xử
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm
2019 về “tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 70/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2022, Thông báo về việc
thay đổi thời gian xét xử số 04/TB-TA ngày 30/3/2022, Quyết định hoãn phiên
tòa số 62/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2022, Thông báo về việc thay đổi
thời gian xét xử số 159/TB-TA ngày 16/5/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa
số 03/2022/QĐST-DS ngày 01/6/2022, Thông báo mở lại phiên tòa số 13/TB-
MLPT ngày 21/12/2022, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 09/TB-
TA ngày 28/12/2022, giữa:

Nguyên đơn: Ông Võ Văn V, sinh năm 1974 và bà Trần Thị H, sinh năm
1971; cùng cư trú: tổ 18, ấp TL, xã TL, huyện TB, tỉnh AG; ông V, bà H, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Văn B -
Luật sư Văn phòng Luật sư CD thuộc Đoàn Luật sư tỉnh AG; địa chỉ liên hệ: số 485
đường Q1 91, ấp MP, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AG; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954 và bà Huỳnh Thị N, sinh năm
1971; cùng cư trú: tổ 18, ấp TL, xã TL, huyện TịB, tỉnh AG; ông T, bà N, có mặt.

NHẬN THẤY:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn V, bà Trần Thị H (sau đây gọi tắt là ông V, bà H) cùng trình bày: Ông V, bà H là chủ sử dụng diện tích phần đất có diện tích 178,3m², thửa đất số 35, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc xã Tân Lợi, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 661163, số vào sổ cấp GCN: CS02042 ngày 19/7/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp. Đất có nguồn gốc do ông V, bà H nhận chuyển nhượng từ ông Lê Văn Khôn.

Sau khi nhận chuyển nhượng, ông V, bà H tiến hành đo đạc lại đất thì phát hiện diện tích đất còn thiếu, một phần hàng rào và một phần căn nhà của ông T, bà N lấn qua phần đất của nguyên đơn. Sự việc đã được hòa giải cơ sở tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi, huyện Tịnh Biên với kết quả hòa giải không thành. Tại đơn khởi kiện ngày 12/8/2019, ông V, bà H yêu cầu ông T, bà N tháo dỡ hàng rào có chiều ngang trước 2,2 cm, chiều dài 10m và phía sau ngang 01 cm, chiều dài 10m để trả lại đất cho nguyên đơn.

Quá trình chuẩn bị xét xử, sau khi có kết quả đo đạc của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên, ông V, bà H xác định lại yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T, bà N tháo dỡ vật kiến trúc trả lại phần đất có diện tích 0,6m² (thửa tạm 2), được xác định theo các điểm 9, 10, 26 về 9 theo kết quả đo đạc được thể hiện tại Bản trích đo địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập ngày 30/7/2022. Ngày 14/3/2022, ông V có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải đối với vụ án.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 661163, số vào sổ cấp GCN: CS02042 ngày 19/7/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp cho ông V, bà H (bản sao); Biên bản hòa giải ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi, huyện Tịnh Biên (bản chính).

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị N (sau đây gọi tắt là ông T, bà N) cùng trình bày: Ông T, bà N đồng ý trả lại phần diện tích đất 0,6m² (thửa tạm 2), được xác định từ các điểm: 9, 10, 26 về 9 theo kết quả đo đạc được thể hiện tại Bản trích đo địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập ngày 30/7/2020 cho nguyên đơn; không đồng ý chịu chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ đối với vụ án. Ngoài ra, ông T, bà N không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến của bị đơn: bản tự khai ngày 31/10/2019 của ông T, bà N; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 876682, số vào sổ: H00721K ngày 16/02/2005 do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên cấp cho ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị N cùng đứng tên.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/7/2022 thể hiện: Ông T, bà N đang quản lý, sử dụng phần diện tích 0,6m² tại các điểm: 9, 10, 26 về 9 theo Bản trích đo địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập

ngày 30/7/2020; trên đất hiện có hàng rào bằng lưới B40 của ông T, bà N.

Tại phiên tòa,

- Hội đồng xét xử công bố tài liệu, chứng cứ mới thu thập sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử: Biên bản làm việc đối với ông T ngày 03/6/2022; Công văn số 208/QTKTTNMT-TĐ ngày 10/6/2022 của Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường An Giang; Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/7/2022.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - Luật sư Phan Văn B trình bày:* Ông V, bà H là chủ sử dụng diện tích phần đất có diện tích 178,3m² đã được cơ quan chuyên môn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo đơn khởi kiện, ông V, bà H yêu cầu ông T, bà N tháo dỡ hàng rào có chiều ngang trước 2,2 cm, chiều dài 10m và phía sau ngang 01 cm, chiều dài 10m, diện tích 3,2m² để trả lại đất cho nguyên đơn; tuy nhiên, sau khi có kết quả đo đạc của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh huyện Tịnh Biên, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 2,6m² đất; yêu cầu ông T, bà N tháo dỡ một phần hàng rào lưới B40 giao trả cho ông V, bà H quyền sử dụng đất diện tích 0,6m² tại các điểm 9, 10, 26 về 9 (thửa tạm 2) của bản trích đo địa chính ngày 30/7/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập. Về chi phí tố tụng, yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông V, bà H xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm; đồng ý với các tài liệu chứng cứ mới mà Hội đồng xét xử công bố; thống nhất với lời trình bày của Luật sư Phan Văn B và không có ý kiến trình bày bổ sung.

- Ông T trình bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ khác giao nộp. Bà N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền đo đạc của tỉnh thực hiện đo đạc lại hiện trạng, khôi phục mốc ranh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các bên đã được cấp.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn ông V, bà H đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông T, bà N thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa của các đương sự, thấy rằng: Ông V, bà H là chủ sử dụng phần đất có diện tích 178,3m², thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 13 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 661163, sổ vào sổ cấp GCN: CS02042 ngày 19/7/2016 do Sở

Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp. Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 30/7/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên, diện tích đất tranh chấp $0,6m^2$ tại các mốc điểm 9, 10, 26 về 9 (thửa tạm 2) nằm trong diện tích đất $178,3m^2$ đã được Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp quyền sử dụng đất cho ông V, bà H. Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn ông T, bà N đồng ý trả lại phần diện tích đất $0,6m^2$ cho nguyên đơn; việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các bên được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định, không ai tranh chấp, khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn, bị đơn.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/7/2022 và bản trích đo địa chính ngày 30/7/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập, phần đất tranh chấp có diện tích $0,6m^2$, nằm trong diện tích $178,3m^2$, thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 13 mà ông V, bà H được cấp quyền sử dụng; trên phần diện tích đất tranh chấp là cột trụ bê tông, hàng rào lưới B40 của ông T, bà N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu đối với diện tích $2,6m^2$ đất; bà N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, bà H yêu cầu ông T, bà N trả lại phần diện tích đã lấn chiếm là $0,6m^2$. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 164, 166, 185 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 Luật Đất đai năm 2013: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, bà H đối với ông T, bà N; buộc ông T, bà N tháo dỡ vật kiến trúc trả cho ông V, bà H quyền sử dụng đất diện tích $0,6m^2$ tại các mốc điểm 9, 10, 26 về 9 (thửa tạm 2) theo bản trích đo địa chính ngày 30/7/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn trả lại phần diện tích $2,6m^2$ đất do nguyên đơn rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**** Về tố tụng:***

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Võ Văn V, bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị N trả quyền sử dụng đất lấn chiếm. Ông T, bà N đang cư trú trên địa bàn huyện Tịnh Biên nên yêu cầu kiện của ông V, bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, ông V, bà H yêu cầu ông T, bà N trả quyền sử dụng đất lấn chiếm diện tích $0,6m^2$; rút lại một phần yêu cầu đối với diện tích $2,6m^2$ đất. Căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu nguyên đơn đã rút đối với diện tích đất $2,6m^2$. Bị đơn không có yêu cầu phản tố trong vụ án nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Các đương sự cùng thống nhất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 661163, số vào sổ cấp GCN: CS02042 ngày 19/7/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp cho ông V, bà H và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 876682, số vào sổ: H00721K ngày 16/02/2005 do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên cấp cho ông T, bà N; không khiếu nại về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông V, bà H khởi kiện yêu cầu ông T, bà N trả quyền sử dụng đất lấn chiếm diện tích $0,6m^2$. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 661163, số vào sổ cấp GCN: CS02042 ngày 19/7/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp cho ông V, bà H đối với quyền sử dụng đất diện tích $178,3m^2$, thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 13.

Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn ông T đồng ý trả lại phần diện tích đất $0,6m^2$ cho nguyên đơn, diện tích đất $0,6m^2$ được xác định tại các mốc điểm 9, 10, 26 về 9 (thửa tạm 2) theo bản trích đo địa chính ngày 30/7/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập.

Tại phiên tòa, bà N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền đo đạc của tỉnh thực hiện đo đạc lại hiện trạng, khôi phục mốc ranh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các bên đã được cấp. Đối với yêu cầu này của bà N, Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa, có công văn gửi Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường An Giang để thực hiện; tuy nhiên, ngày 10/6/2022, Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường An Giang có văn bản số 208/QTKTTNMT-TĐ trả lời không thực hiện được theo yêu cầu của Tòa án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà N.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/7/2022 và bản trích đo địa chính ngày 30/7/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập, phần đất tranh chấp có diện tích $0,6m^2$, nằm trong diện tích $178,3m^2$, thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 13 mà ông V, bà H được cấp quyền sử dụng; trên phần đất tranh chấp có một phần hàng rào bằng lưới B40 (trụ bê tông) của ông T, bà N.

Vì vậy, buộc ông T, bà N tháo dỡ một phần hàng rào lưới B40 giao trả cho ông V, bà H quyền sử dụng đất diện tích $0,6m^2$ tại các điểm 9, 10, 26 về 9 (thửa tạm 2) của bản trích đo địa chính ngày 30/7/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập theo quy định tại các Điều 164, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 166 Luật Đất đai năm 2013.

[5] Về chi phí tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông V, bà H đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ với tổng số tiền 2.243.500

đồng, gồm: 1.743.500 đồng (theo hóa đơn giá trị gia tăng ngày 06/8/2020 do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập) và 500.000 đồng (theo biên bản quyết toán ngày 17/12/2019 do Tòa án lập). Do yêu cầu khởi kiện của ông V, bà H được chấp nhận nên buộc ông T, bà N hoàn lại tạm ứng chi phí tố tụng với số tiền 2.243.500 đồng cho ông V, bà H theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Quan điểm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cũng như ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông V, bà H được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho ông V, bà H tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng.

Ông T, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông T thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; do đó, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 144, 147, 157, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 164 và Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 166 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Điểm d khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn V, bà Trần Thị H đối với diện tích đất 2,6m².

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn V, bà Trần Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị N tháo dỡ một phần hàng rào lưới B40 (trụ bê tông) giao trả cho ông Võ Văn V, bà Trần Thị H quyền sử dụng đất diện tích 0,6m² tại các điểm 9, 10, 26 về 9 (thửa tạm 2) của bản trích đo địa chính ngày 30/7/2020 do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập.

Bản trích đo địa chính ngày 30/7/2020 do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập là một bộ phận không thể tách rời bản án.

3. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị N hoàn lại cho ông Võ Văn V, bà Trần Thị H tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc với số tiền 2.243.500 (hai triệu, hai trăm bốn mươi ba nghìn, năm trăm) đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị N phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Văn V, bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Võ Văn V, bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số TU/2017/0004757 ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Võ Văn V, bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị N có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tịnh Biên (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phí Thị Phương Nhung